

UBND XÃ NÚA NGAM
TRƯỜNG PTDTBT TH HẠ MUÔNG

Biểu mẫu 07

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	12	Số m ² /HS
II	Loại phòng học	12	-
1	Phòng học kiên cố	7	-
2	Phòng học bán kiên cố	5	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	3	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	19674	80,96
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3106	13,22
VI	Tổng diện tích các phòng	804	3,31
1	Diện tích phòng học (m ²)	534	2,20
2	Diện tích thư viện (m ²)	36	0,15
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0,00
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	36	0,15
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	36	0,15
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	106	0,44
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	20	0,08
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	0,00
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	36	0,15
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	13	1/1
1,1	Khối lớp 1	4	1
1,2	Khối lớp 2	3	1
1,3	Khối lớp 3	2	1
1,4	Khối lớp 4	2	1
1,5	Khối lớp 5	2	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2,1	Khối lớp 1	0	
2,2	Khối lớp 2	0	
2,3	Khối lớp 3	0	
2,4	Khối lớp 4	0	
2,5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	34	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	21	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Thiết bị khác...	4	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	50
XI	Nhà ăn	90

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	4 phòng, 144 m ²	127	1,1
XIII	Khu nội trú	16 phòng, 258 m ²	116	2,2

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		1	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	30 m ²	0	6 nhà, 174 m ²	0	0,816
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	01 điểm trường
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	01 điểm trường

Núa Ngam, ngày 10 tháng 9 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Ngọc Tấn